



CATALOGUE ĐIỆN TỬ  
QUÉT ĐỂ NHẬN THÊM THÔNG TIN

**DRAHO**  
ARCHITECTURAL HARDWARE

# PHỤ KIỆN CỬA THỦY LỰC

DRAHO - 100++ CHỦ ĐẦU TƯ TIN DÙNG



# MỤC LỤC

## Giới thiệu chung

---

Trang 4 - 5

## Phụ kiện cửa thủy lực dòng FH

---

Trang 6 - 14

## Phụ kiện cửa thủy lực dòng EC

---

Trang 15 - 30

## Phụ kiện cửa thủy lực khác

---

Trang 29- 40

## Một số dự án sử dụng phụ kiện Draho

---

Trang 41- 44

## GIỚI THIỆU CHUNG

Draho là công ty chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm phụ kiện nhôm kính và mặt dựng kính chất lượng cao, các sản phẩm chính bao gồm: Phụ kiện cửa nhôm kính, phụ kiện cabin tắm kính, phụ kiện cửa thủy lực, trụ lan can inox, chân nhện,...

Draho được thành lập năm 1995 tại Quảng Đông, Trung Quốc, đến 2015 thì chính thức đặt văn phòng đại diện ở Việt Nam. Hiện nay, Draho đã có 3 văn phòng cùng 3 kho hàng quy mô lên tới gần 2.500m<sup>2</sup> cho mỗi vị trí tại Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Với đội ngũ kinh doanh giàu kinh nghiệm và hệ thống chuyên viên kỹ thuật chuyên môn cao, Draho đã tạo dựng được sự tin tưởng, ủng hộ của khách hàng với hàng nghìn dự án lớn nhỏ, tiêu biểu trên cả nước như Vinhomes Central Park, Sun Grand City, Metropolis, Kingdom 101, The Gold View...

Hệ thống nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Draho cũng luôn dẫn đầu thị trường. Với việc mở hơn 500 bộ khuôn cho khách hàng Việt Nam trong những năm qua, Draho tự tin có thể linh hoạt giải quyết mọi nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng nhất.

## ĐỐI TÁC



## ƯU THẾ CỦA CHÚNG TÔI



- Thiết bị máy móc hiện đại
- Hệ thống quản lý chất lượng nghiêm ngặt
- Đội ngũ kỹ thuật chuyên sâu, chuyên nghiệp
- Hệ thống thông tin hoàn hảo

## HỆ THỐNG DỊCH VỤ BÁN HÀNG



- Phục vụ nhanh, chính xác, hiệu quả
- Tư vấn kỹ thuật, khoa học
- Cung cấp mẫu mã, vật tư nhanh, chuẩn xác
- Chăm sóc bằng sự thấu hiểu, tận tình
- Cung cấp tài liệu kỹ thuật, bao gồm thiết kế phương án phụ kiện, cung cấp bản tính toán kỹ thuật

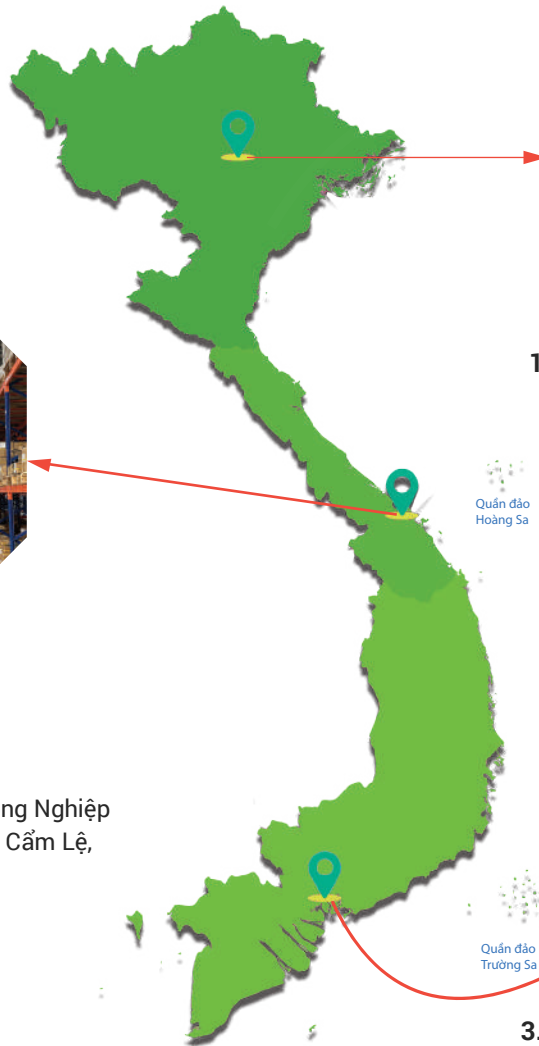
## NĂNG LỰC CUNG ỨNG

Draho sở hữu kho hàng tại 3 thành phố lớn là: Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Với diện tích mỗi kho hàng lên tới 2.500m<sup>2</sup>, Draho đảm bảo tốc độ và khả năng cung ứng hàng hoá số lượng lớn trên toàn quốc.



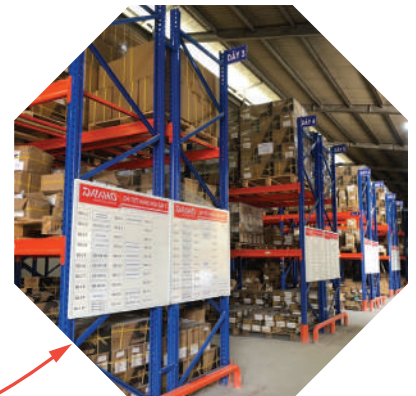
### 2. Kho hàng Đà Nẵng

- Diện tích 1000m<sup>2</sup>
- Địa chỉ: Đường số 11, Khu Công Nghiệp Hoà Cầm, P. Hoà Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.



### 1. Kho hàng Hà Nội

- Diện tích 2500m<sup>2</sup>
- Địa chỉ: Km 13 Đại lộ Thăng Long, Hoài Đức, TP. Hà Nội.



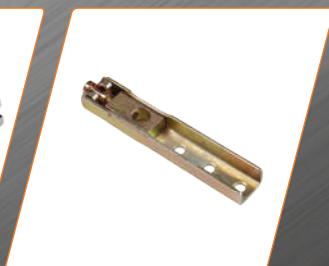
### 3. Kho hàng HCM

- Diện tích 1500m<sup>2</sup>
- Địa chỉ: 83/2 Quốc lộ 1A, P. An Phú Đông, Quận 12, TP. HCM.

Draho thiết lập hệ thống Đại lý trên khắp 63 tỉnh thành cả nước, giúp đáp ứng và phục vụ nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.

Các Đại lý uỷ quyền được lựa chọn chặt chẽ theo tiêu chuẩn của Draho, được đào tạo và hỗ trợ về công nghệ, kỹ thuật lắp đặt, sửa chữa và bảo hành, đảm bảo đem đến dịch vụ tư vấn và lắp đặt chuyên nghiệp tới người tiêu dùng.

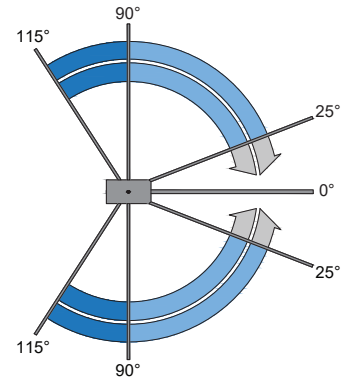
# ***Phụ Kiện Cửa Thủy Lực Dòng FH***



# Bản lề sàn FH105N.1000



Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Buffer zone / Góc mở rộng

Reset area / Vùng giảm tốc độ

Bản lề sàn không dừng mã hàng là FH105NW.1000 (Bản lề sàn không dừng dùng trực Doorman)

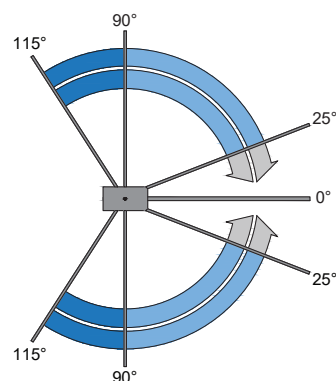
Kẹp dưới bản lề sàn không dừng dùng loại chuyên dụng có mã hàng là GCB12W (Kẹp không dừng dùng trực Doorman)

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |                | BẢN VẼ KỸ THUẬT |  |
|----------------------------------|----------------|-----------------|--|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn     |                 |  |
| Mã hàng                          | FH105N.1000    |                 |  |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 307 x 108 x 44 |                 |  |
| Tải trọng (kg)                   | 105            |                 |  |
| Sải cánh rộng (mm)               | 1000           |                 |  |
| Sải cánh cao (mm)                | 2300           |                 |  |
| Số lần vận hành                  | >500.000       |                 |  |
| Góc định vị (độ)                 | 90 và 115      |                 |  |

# Bản lề sàn FH120N.1100



Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Buffer zone / Góc mở rộng

Reset area / Vùng giảm tốc độ

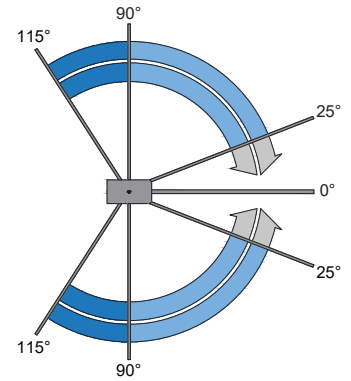
Bản lề sàn không dừng mã hàng là FH120NW.1100 (Bản lề sàn không dừng dùng trực Doorman)  
Kẹp dưới bản lề sàn không dừng dùng loại chuyên dụng có mã hàng là GCB12W (Kẹp không dừng dùng trực Doorman)

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |                | BẢN VẼ KỸ THUẬT |  |
|----------------------------------|----------------|-----------------|--|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn     |                 |  |
| Mã hàng                          | FH120N.1100    |                 |  |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 307 x 108 x 44 |                 |  |
| Tải trọng (kg)                   | 120            |                 |  |
| Sải cánh rộng (mm)               | 1100           |                 |  |
| Sải cánh cao (mm)                | 2500           |                 |  |
| Số lần vận hành                  | >500.000       |                 |  |
| Góc định vị (độ)                 | 90 và 115      |                 |  |

# Bản lề sàn FH150N.1250



Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Buffer zone / Góc mở rộng

Reset area / Vùng giảm tốc độ

Bản lề sàn không dừng mã hàng là FH150NW.1250 (Bản lề sàn không dừng dùng trực Doorman)  
Kẹp dưới bản lề sàn không dừng dùng loại chuyên dụng có mã hàng là GCB12W (Kẹp không dừng dùng trực Doorman)

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |                | BẢN VẼ KỸ THUẬT |  |
|----------------------------------|----------------|-----------------|--|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn     |                 |  |
| Mã hàng                          | FH150N.1250    |                 |  |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 307 x 108 x 44 |                 |  |
| Tải trọng (kg)                   | 150            |                 |  |
| Sải cánh rộng (mm)               | 1250           |                 |  |
| Sải cánh cao (mm)                | 2800           |                 |  |
| Số lần vận hành                  | >500.000       |                 |  |
| Góc định vị (độ)                 | 90 và 115      |                 |  |

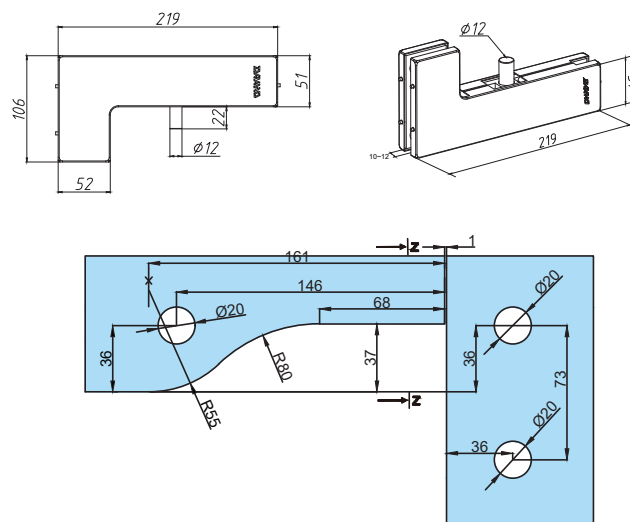
## Kẹp góc GCC12



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |         |
|----------|---------|
| Tên hàng | Kẹp góc |
| Mã hàng  | GCC12   |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



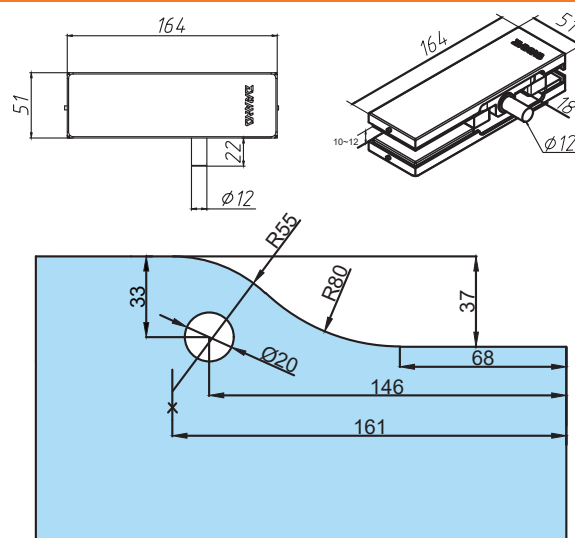
## Kẹp đỉnh GCT12



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Kẹp đỉnh |
| Mã hàng  | GCT12    |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



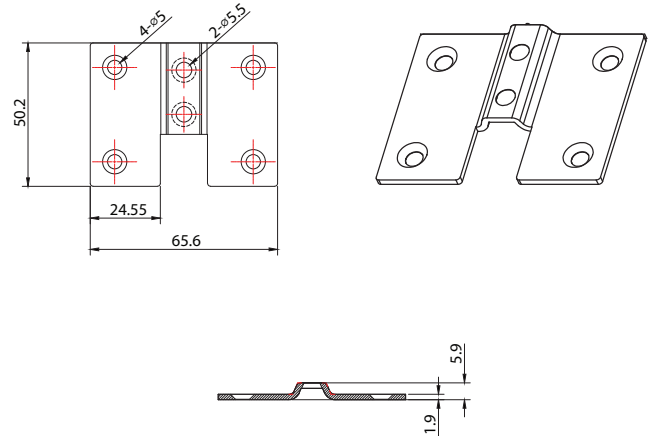
## Bản mã kẹp đỉnh tường W-GCT12



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |                       |
|----------|-----------------------|
| Tên hàng | Bản mã kẹp đỉnh tường |
| Mã hàng  | W-GCT12               |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



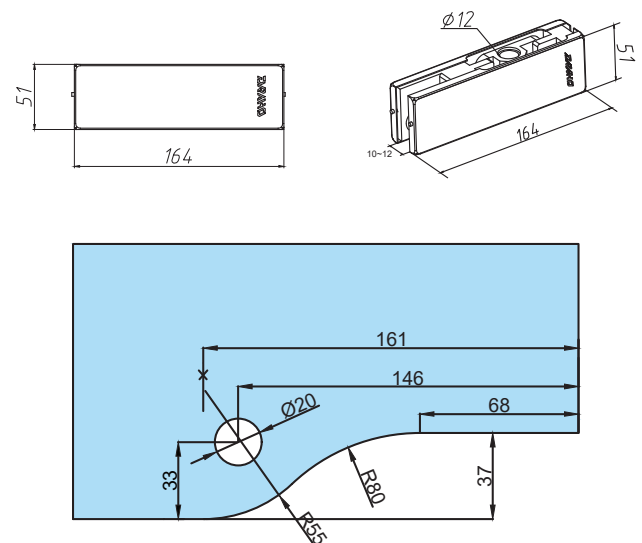
## Kẹp trên GCA12



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Kẹp trên |
| Mã hàng  | GCA12    |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



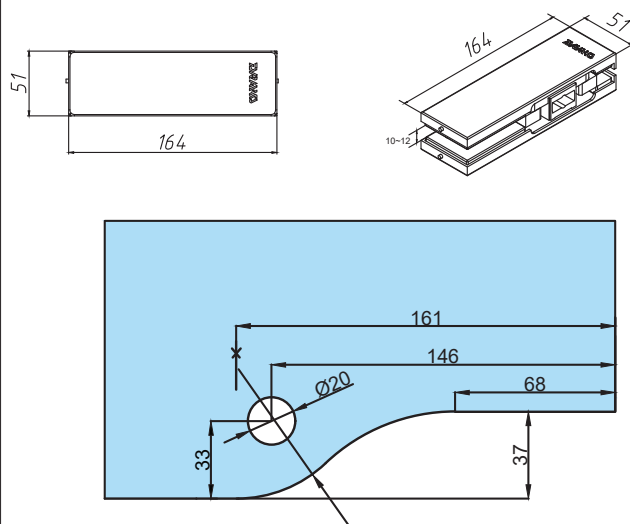
## Kẹp dưới GCB12



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Kẹp dưới |
| Mã hàng  | GCB12    |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



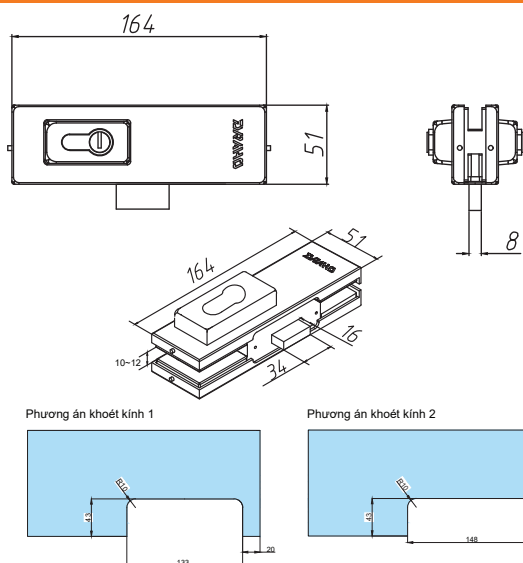
## Kẹp khóa GFL12



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Kẹp khóa |
| Mã hàng  | GFL12    |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



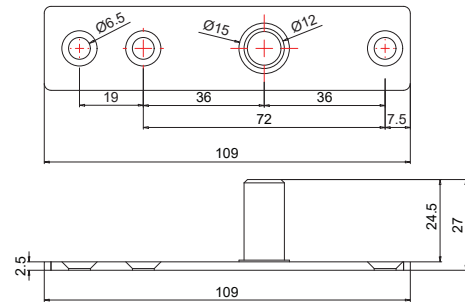
## Cốt đỉnh JSZ11-K



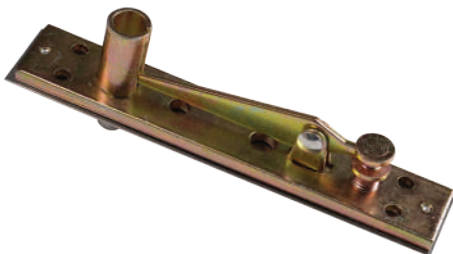
### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Cốt đỉnh |
| Mã hàng  | JSZ11-K  |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



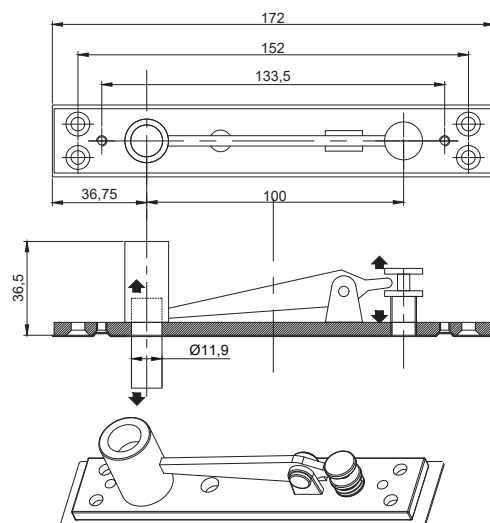
## Ngõng đỉnh DS01-FH



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |            |
|----------|------------|
| Tên hàng | Ngõng đỉnh |
| Mã hàng  | DS01-FH    |

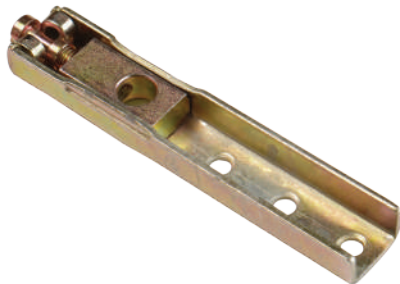
### BẢN VẼ KỸ THUẬT



Lưu ý khi chọn ngõng đỉnh với bản lề tải trọng lớn:

- Bản lề sàn DTH-200N, DTH-240N và DTH-300N chọn ngõng đỉnh DS08

## Ngõng trên DX01-FH



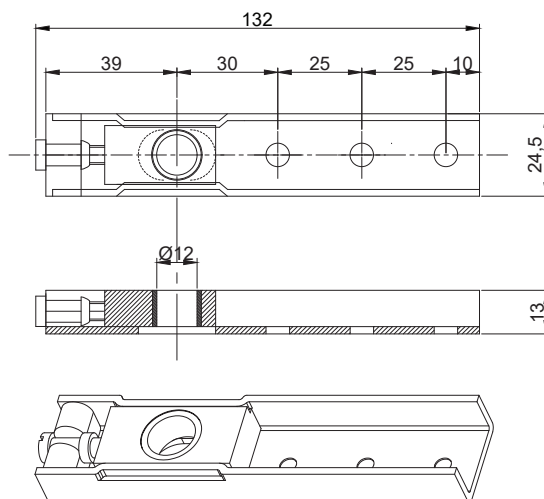
Lưu ý khi chọn ngõng trên với bản lề tải trọng lớn:

- Bản lề sàn DTH-200N, DTH-240N và DTH-300N chọn ngõng trên DX08

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |            |
|----------|------------|
| Tên hàng | Ngõng trên |
| Mã hàng  | DX01-FH    |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



## Ngõng dưới DY11-EC



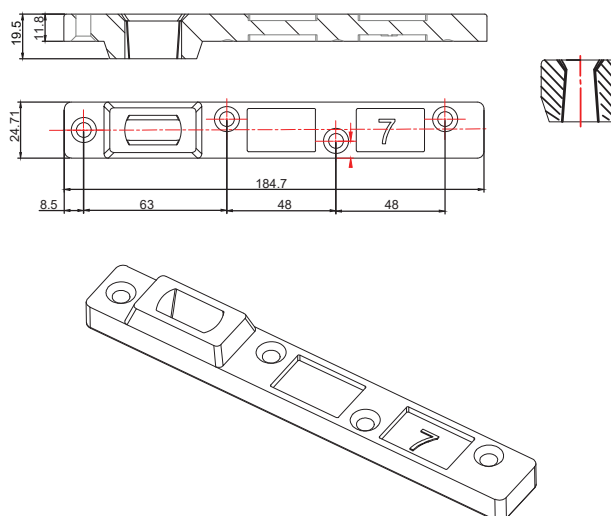
Lưu ý khi chọn ngõng dưới với bản lề tải trọng lớn:

- Bản lề sàn DTH-200N và DTH-240N chọn ngõng dưới DY09
- Bản lề sàn DTH-300N chọn ngõng dưới DY08

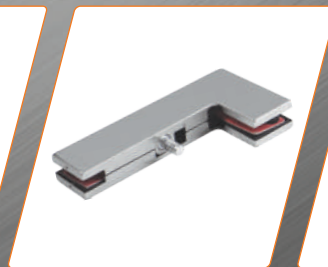
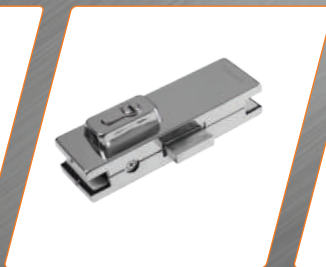
### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |            |
|----------|------------|
| Tên hàng | Ngõng dưới |
| Mã hàng  | DY11-EC    |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



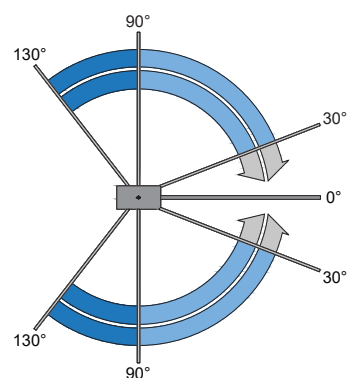
# Phụ Kiện Cửa Thủy Lực Dòng EC



# Bản lề sàn DTH90-EC



Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Buffer zone / Góc mở rộng

Reset area / Vùng giảm tốc độ

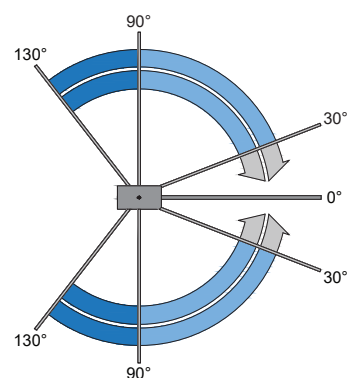
Bản lề sàn không dừng mã hàng là DTH90W-EC

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |                | BẢN VẼ KỸ THUẬT |  |
|----------------------------------|----------------|-----------------|--|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn     |                 |  |
| Mã hàng                          | DTH90-EC       |                 |  |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 250 x 105 x 50 |                 |  |
| Tải trọng (kg)                   | 90             |                 |  |
| Sải cánh rộng (mm)               | 880            |                 |  |
| Sải cánh cao (mm)                | 2200           |                 |  |
| Số lần vận hành                  | >500.000       |                 |  |
| Góc định vị (độ)                 | 90 và 130      |                 |  |

# Bản lề sàn DTH100-EC



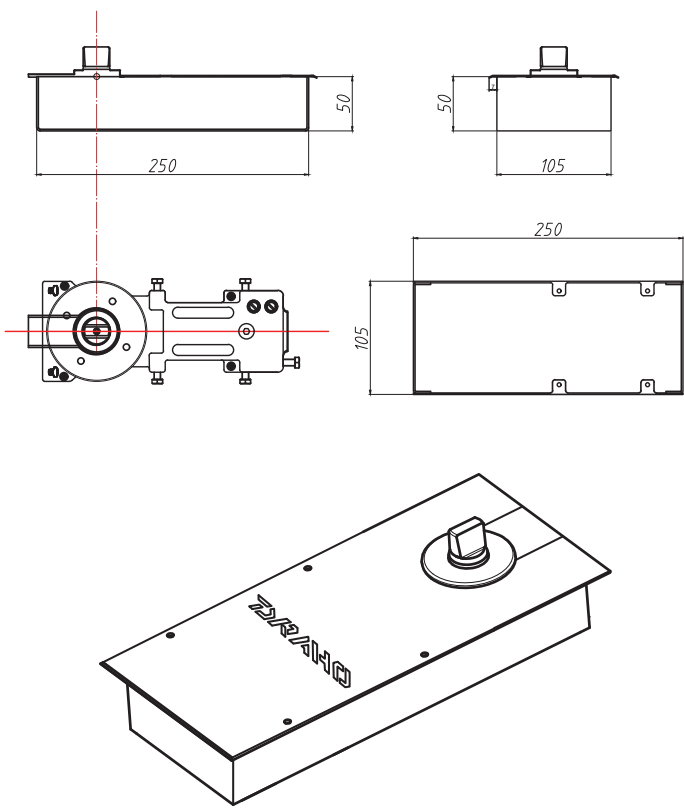
Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Buffer zone / Góc mở rộng

Reset area / Vùng giảm tốc độ

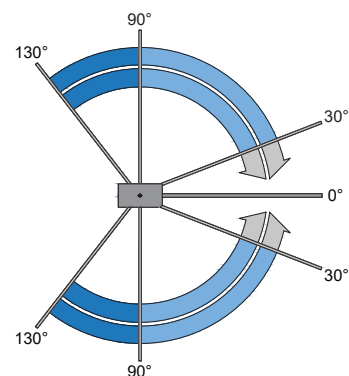
Bản lề sàn không dừng mã hàng là DTH10W-EC

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |                | BẢN VẼ KỸ THUẬT                                                                      |  |
|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn     |  |  |
| Mã hàng                          | DTH100-EC      |                                                                                      |  |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 250 x 105 x 50 |                                                                                      |  |
| Tải trọng (kg)                   | 100            |                                                                                      |  |
| Sải cánh rộng (mm)               | 900            |                                                                                      |  |
| Sải cánh cao (mm)                | 2200           |                                                                                      |  |
| Số lần vận hành                  | >500.000       |                                                                                      |  |
| Góc định vị (độ)                 | 90 và 130      |                                                                                      |  |

# Bản lề sàn DTH120-EC



Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Buffer zone / Góc mở rộng

Reset area / Vùng giảm tốc độ

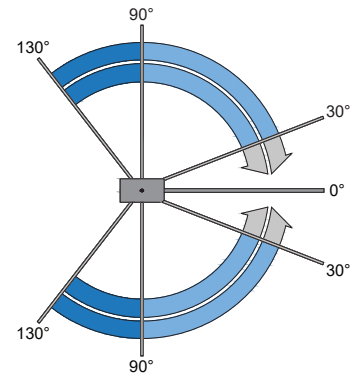
Bản lề sàn không dừng mã hàng là DTH120W-EC

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |                | BẢN VẼ KỸ THUẬT |
|----------------------------------|----------------|-----------------|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn     |                 |
| Mã hàng                          | DTH120-EC      |                 |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 290 x 125 x 52 |                 |
| Tải trọng (kg)                   | 120            |                 |
| Sải cánh rộng (mm)               | 1100           |                 |
| Sải cánh cao (mm)                | 2400           |                 |
| Số lần vận hành                  | >500.000       |                 |
| Góc định vị (độ)                 | 90 và 130      |                 |

# Bản lề sàn DTH150-EC



Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Buffer zone / Góc mở rộng

Reset area / Vùng giảm tốc độ

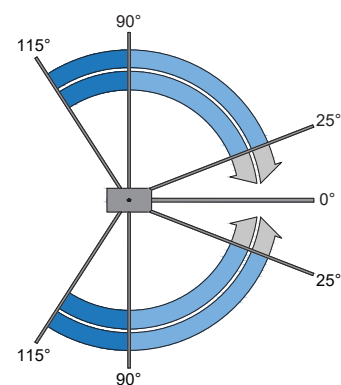
Bản lề sàn không dừng mã hàng là DTH150W-EC

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |                | BẢN VẼ KỸ THUẬT |  |
|----------------------------------|----------------|-----------------|--|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn     |                 |  |
| Mã hàng                          | DTH150-EC      |                 |  |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 305 x 111 x 46 |                 |  |
| Tải trọng (kg)                   | 150            |                 |  |
| Sải cánh rộng (mm)               | 1150           |                 |  |
| Sải cánh cao (mm)                | 2500           |                 |  |
| Số lần vận hành                  | >500.000       |                 |  |
| Góc định vị (độ)                 | 90 và 130      |                 |  |

# Bản lề sàn DTH200-N



Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Buffer zone / Góc mở rộng

Reset area / Vùng giảm tốc độ

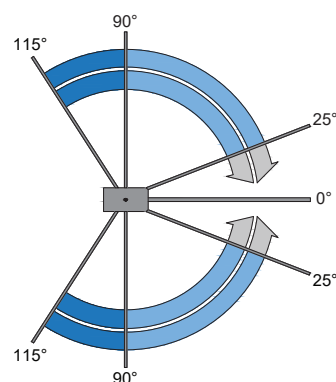
Bản lề sàn không dừng mã hàng là DTH200W-N

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |                | BẢN VẼ KỸ THUẬT |
|----------------------------------|----------------|-----------------|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn     |                 |
| Mã hàng                          | DTH200-N       |                 |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 310 x 125 x 58 |                 |
| Tải trọng (kg)                   | 200            |                 |
| Sải cánh rộng (mm)               | 1300           |                 |
| Sải cánh cao (mm)                | 3000           |                 |
| Số lần vận hành                  | >500.000       |                 |
| Góc định vị (độ)                 | 90 và 115      |                 |

# Bản lề sàn DTH240-N



Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Buffer zone / Góc mở rộng

Reset area / Vùng giảm tốc độ

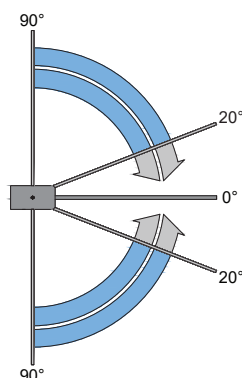
Bản lề sàn không dừng mã hàng là DTH240W-N

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |                | BẢN VẼ KỸ THUẬT |
|----------------------------------|----------------|-----------------|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn     |                 |
| Mã hàng                          | DTH240-N       |                 |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 310 x 125 x 58 |                 |
| Tải trọng (kg)                   | 240            |                 |
| Sải cánh rộng (mm)               | 1400           |                 |
| Sải cánh cao (mm)                | 3000           |                 |
| Số lần vận hành                  | >500.000       |                 |
| Góc định vị (độ)                 | 90 và 115      |                 |

# Bản lề sàn DTH300-N

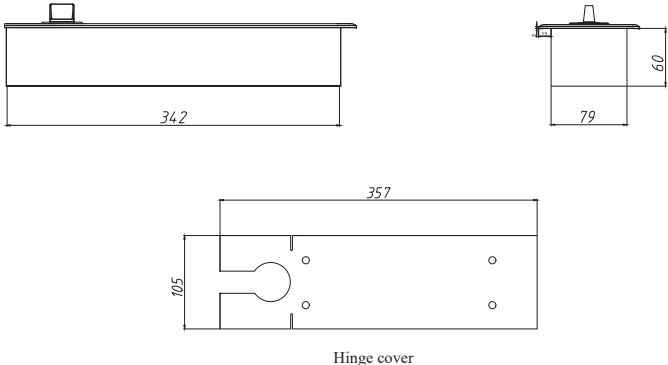
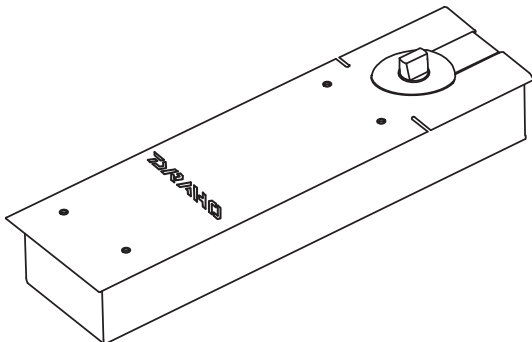


Door adjustment / Điều chỉnh cửa



Reset area / Vùng giảm tốc độ

Bản lề sàn không dừng mã hàng là DTH300W-N

| THÔNG SỐ KỸ THUẬT                |               | BẢN VẼ KỸ THUẬT                                                                      |  |
|----------------------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Tên hàng                         | Bản lề sàn    |  |  |
| Mã hàng                          | DTH300-N      |                                                                                      |  |
| Kích thước hộp sàn<br>L*W*H (mm) | 342 x 79 x 60 |  |  |
| Tải trọng (kg)                   | 300           |                                                                                      |  |
| Sải cánh rộng (mm)               | 1450          |                                                                                      |  |
| Sải cánh cao (mm)                | 3500          |                                                                                      |  |
| Số lần vận hành                  | >500.000      |                                                                                      |  |
| Góc định vị (độ)                 | 90            |                                                                                      |  |

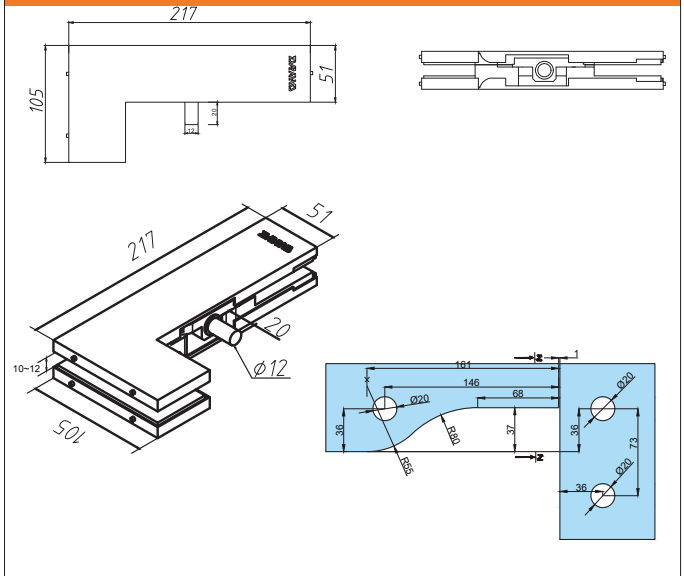
## Kẹp góc L MJQ11-EC



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |           |
|----------|-----------|
| Tên hàng | Kẹp góc L |
| Mã hàng  | MJQ11-EC  |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



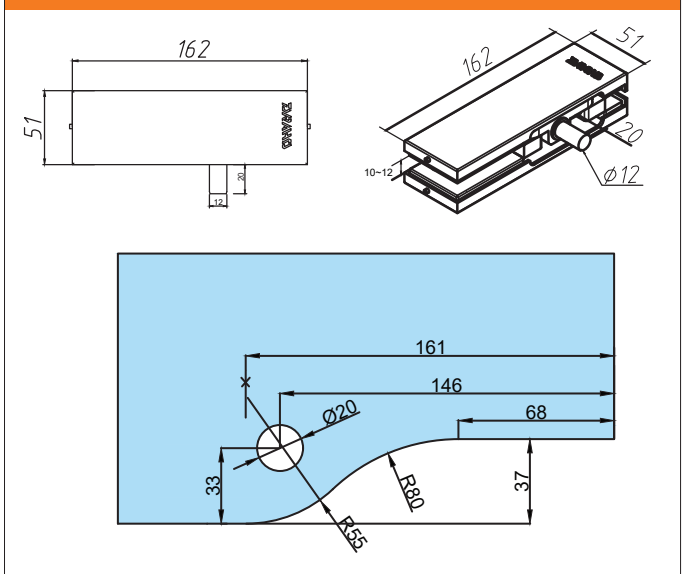
## Kẹp đỉnh MJD11-EC



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Kẹp đỉnh |
| Mã hàng  | MJD11-EC |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



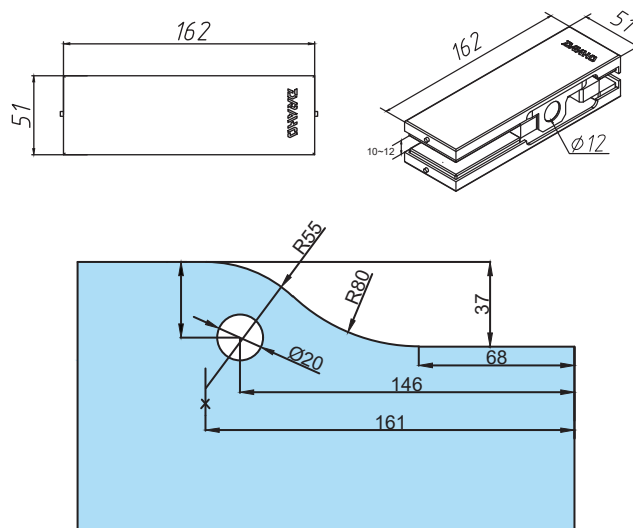
## Kẹp trên MJS11-EC



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Kẹp trên |
| Mã hàng  | MJS11-EC |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



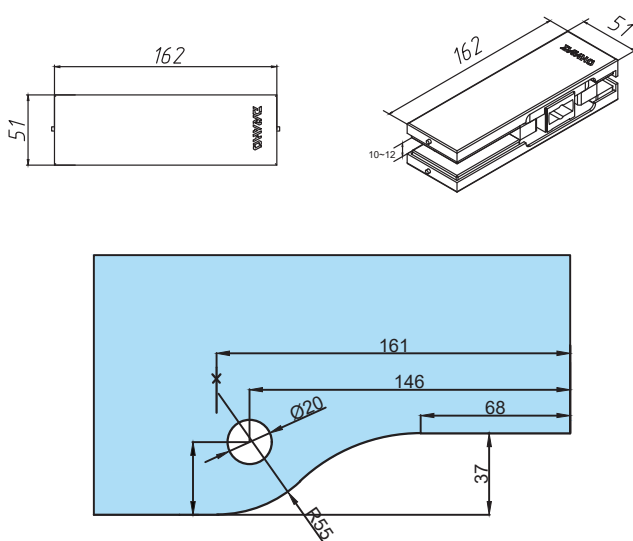
## Kẹp dưới MJX11-EC



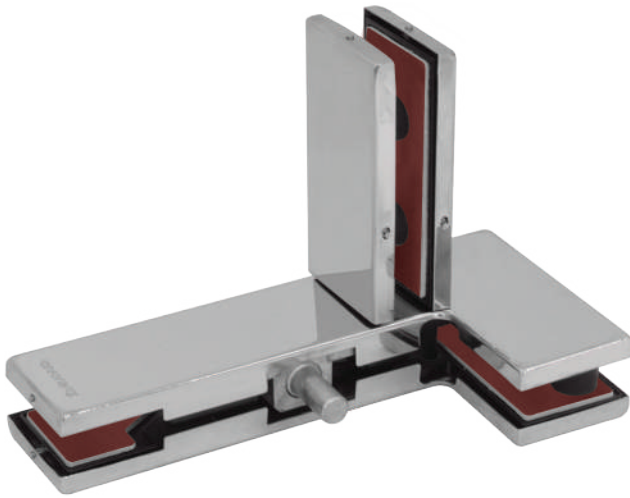
### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Kẹp dưới |
| Mã hàng  | MJX11-EC |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



## Kẹp F DH-XMJF1L

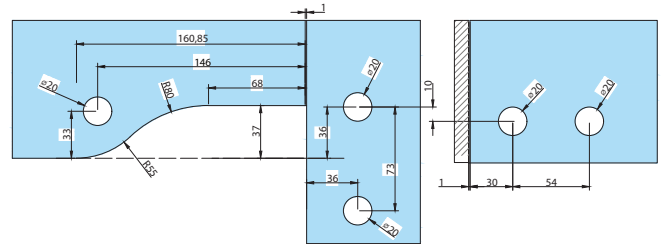


Lưu ý: lắp cho kính 12mm

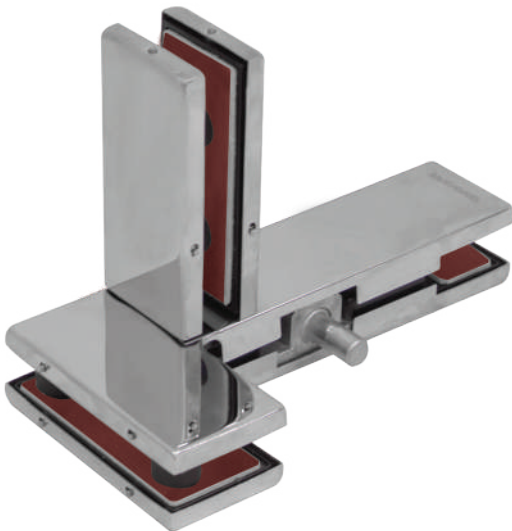
### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |           |
|----------|-----------|
| Tên hàng | Kẹp F     |
| Mã hàng  | DH-XMJF1L |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



## Kẹp F DH-XMJF1R

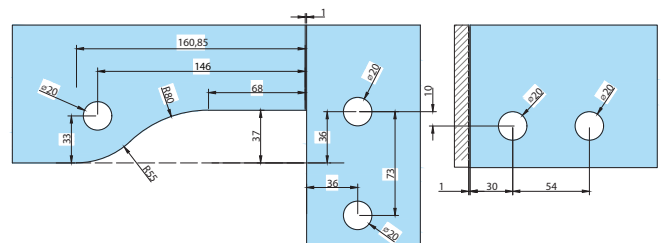


Lưu ý: lắp cho kính 12mm

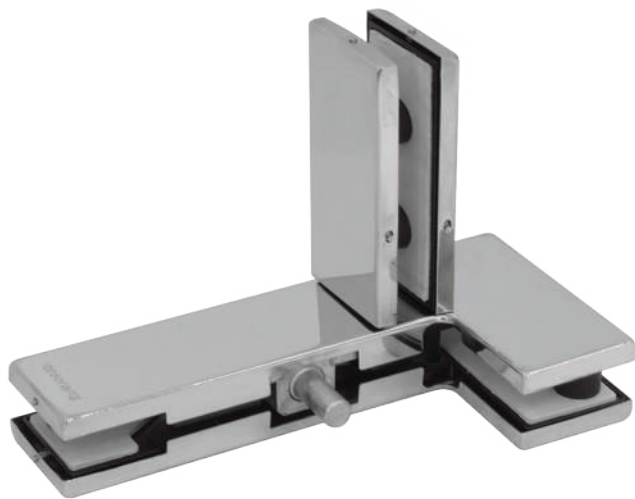
### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |           |
|----------|-----------|
| Tên hàng | Kẹp F     |
| Mã hàng  | DH-XMJF1R |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



## Kẹp F FT-65W(L)

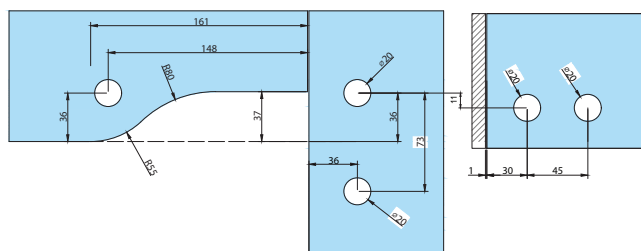


Lưu ý: lắp cho kính 15mm

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |           |
|----------|-----------|
| Tên hàng | Kẹp F     |
| Mã hàng  | FT-65W(L) |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



## Kẹp F FT-65W(R)

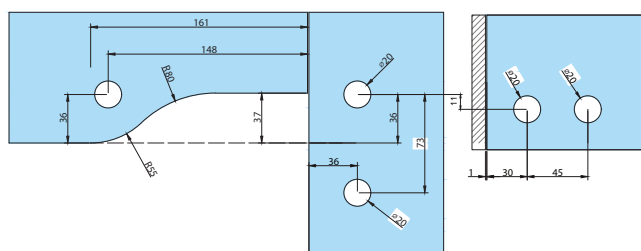


Lưu ý: lắp cho kính 15mm

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |           |
|----------|-----------|
| Tên hàng | Kẹp F     |
| Mã hàng  | FT-65W(R) |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



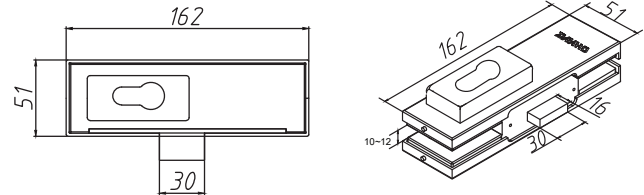
## Khóa sàn JDS11-EC



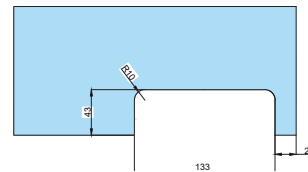
### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Khóa sàn |
| Mã hàng  | JDS11-EC |

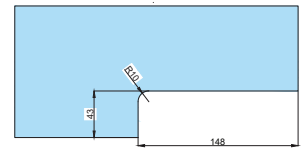
### BẢN VẼ KỸ THUẬT



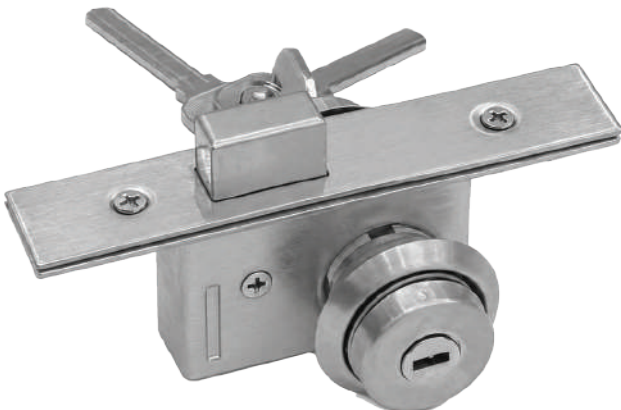
Phương án khoét kính 1



Phương án khoét kính 2



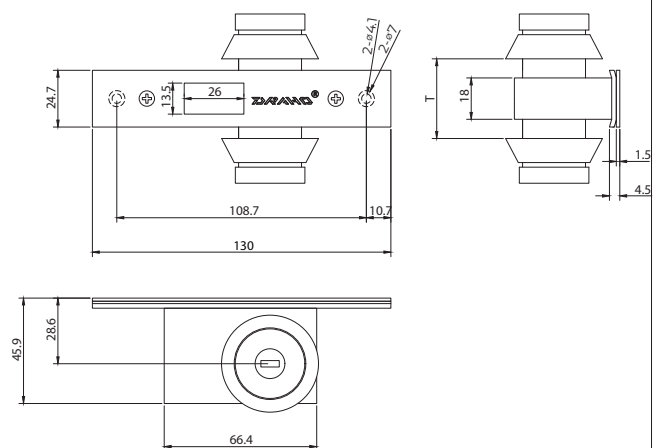
## Khóa sàn DH-BDS3N



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Khóa sàn |
| Mã hàng  | DH-BDS3N |

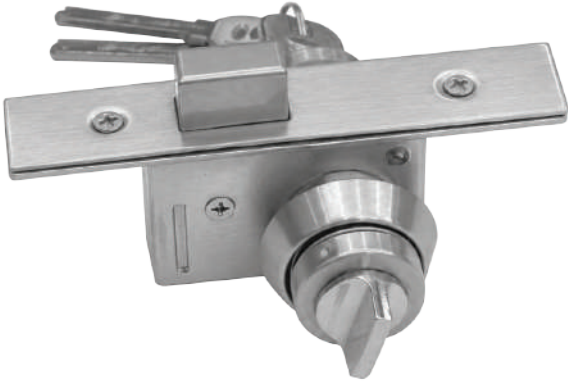
### BẢN VẼ KỸ THUẬT



Lưu ý khi chọn khóa sàn:

- T= 40 - 50mm chọn mã BDS3N(T40.50)
- T= 50 - 60mm chọn mã BDS3N(T50.60)
- T= 60 - 70mm chọn mã BDS3N(T60.70)

# Khóa sản DH-BDS4N



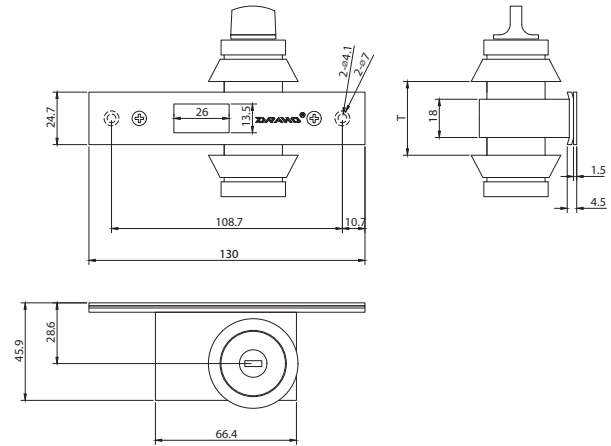
**Lưu ý khi chọn khóa sàn:**

- T= 40 - 50mm chọn mã BDS4N(T40.50)
- T= 50 - 60mm chọn mã BDS4N(T50.60)
- T= 60 - 70mm chọn mã BDS4N(T60.70)

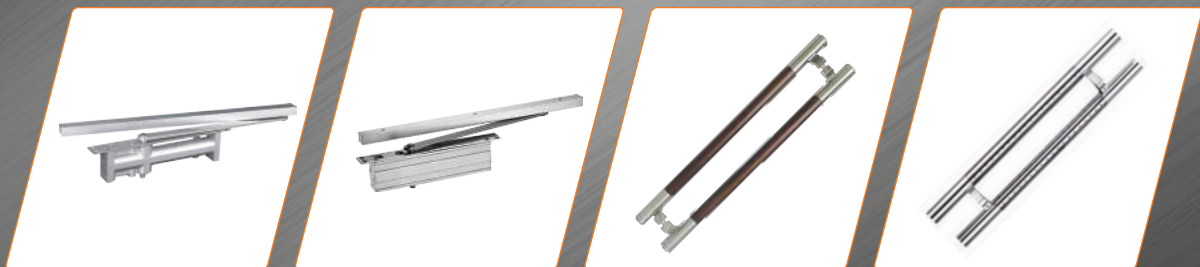
## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |          |
|----------|----------|
| Tên hàng | Khóa sàn |
| Mã hàng  | DH-BDS4N |

## BẢN VẼ KỸ THUẬT



# Phụ Kiện Cửa Thủy Lực Khác



## Tay kéo DH-7003



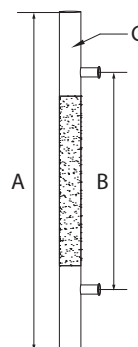
Mã hàng chi tiết tay kéo hay dùng:

- DH-7003A (A600, B400, D38, T1.0) ; DH-7003A (A800, B600, D38, T1.0)
- DH-7003A (A1000, B700, D38, T1.0) ; DH-7003A (A1200, B800, D38, T1.0)

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|             |                                                                                                  |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên hàng    | Tay kéo                                                                                          |
| Mã hàng     | DH-7003                                                                                          |
| Chất liệu   | Inox 304                                                                                         |
| Dùng cho    | Cửa kính, cửa khung nhôm                                                                         |
| Vít lắp đặt | M8(Lưu ý chọn độ dài vít cho cửa có khung)                                                       |
| Kích cỡ     | A : 600 B : 400 C : $\Phi 38$<br>A : 800 B : 600 C : $\Phi 38$<br>A : 1200 B : 800 C : $\Phi 38$ |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



## Tay kéo DH-7005



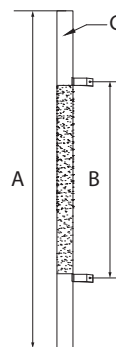
Mã hàng chi tiết tay kéo hay dùng:

- DH-7005A (A600, B400, D38, T1.0) ; DH-7005A (A800, B600, D38, T1.0)
- DH-7005A (A1000, B700, D38, T1.0) ; DH-7005A (A1200, B800, D38, T1.0)

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|             |                                                                 |
|-------------|-----------------------------------------------------------------|
| Tên hàng    | Tay kéo                                                         |
| Mã hàng     | DH-7005                                                         |
| Chất liệu   | Inox 304                                                        |
| Dùng cho    | Cửa kính, cửa khung nhôm                                        |
| Vít lắp đặt | M8(Lưu ý chọn độ dài vít cho cửa có khung)                      |
| Kích cỡ     | A : 800 B : 600 C : $\Phi 38$<br>A : 1200 B : 800 C : $\Phi 38$ |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



## Tay kéo DH-7010



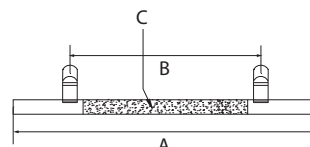
Mã hàng chi tiết tay kéo hay dùng:

- DH-7010A (A600, B400, D38, T1.0); DH-7010A (A800, B600, D38, T1.0)
- DH-7010A (A1000, B700, D38, T1.0); DH-7010A (A1200, B800, D38, T1.0)

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|             |                                                                                |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| Tên hàng    | Tay kéo                                                                        |
| Mã hàng     | DH-7010                                                                        |
| Chất liệu   | Inox 304                                                                       |
| Dùng cho    | Cửa kính, cửa khung nhôm                                                       |
| Vít lắp đặt | M8(Lưu ý chọn độ dài vít cho cửa có khung)                                     |
| Kích cỡ     | A : 600 B : 400 C : Ø38<br>A : 800 B : 600 C : Ø38<br>A : 1200 B : 800 C : Ø38 |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



## Tay kéo DH-7015



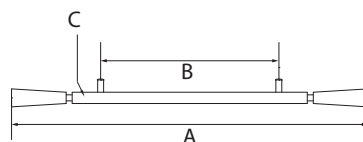
Mã hàng chi tiết tay kéo hay dùng:

- DH-7015A (A600, B400, D38, T1.0); DH-7015A (A800, B600, D38, T1.0)
- DH-7015A (A1000, B700, D38, T1.0); DH-7015A (A1200, B800, D38, T1.0)

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|             |                                                     |
|-------------|-----------------------------------------------------|
| Tên hàng    | Tay kéo                                             |
| Mã hàng     | DH-7015                                             |
| Chất liệu   | Inox 304                                            |
| Dùng cho    | Cửa kính, cửa khung nhôm                            |
| Vít lắp đặt | M8(Lưu ý chọn độ dài vít cho cửa có khung)          |
| Kích cỡ     | A : 800 B : 500 C : Ø38<br>A : 1200 B : 800 C : Ø38 |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



## Tay kéo DH-7033



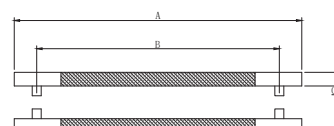
Mã hàng chi tiết tay kéo hay dùng:

- DH-7033 (A800, B600, D38, T1.0); DH-7033 (A1200, B800, D38, T1.0)

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|             |                                                     |
|-------------|-----------------------------------------------------|
| Tên hàng    | Tay kéo                                             |
| Mã hàng     | DH-7033                                             |
| Chất liệu   | Inox 304                                            |
| Dùng cho    | Cửa kính, cửa khung nhôm                            |
| Vít lắp đặt | M8(Lưu ý chọn độ dài vít cho cửa có khung)          |
| Kích cỡ     | A : 800 B : 500 C : Ø38<br>A : 1200 B : 800 C : Ø38 |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT

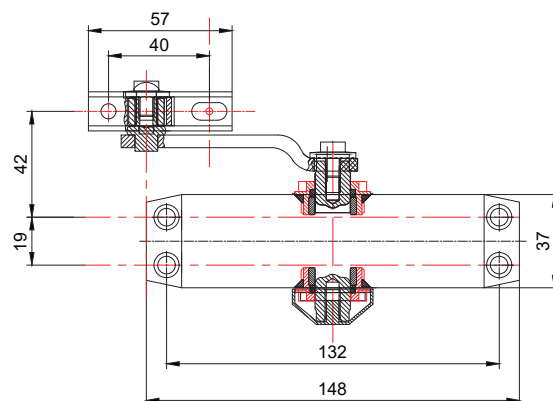


## Tay co DCH-C45.6080



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-C45.6080                                  |
| Tải trọng(kg)     | 45                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 600 - 800                                     |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co không dừng                             |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

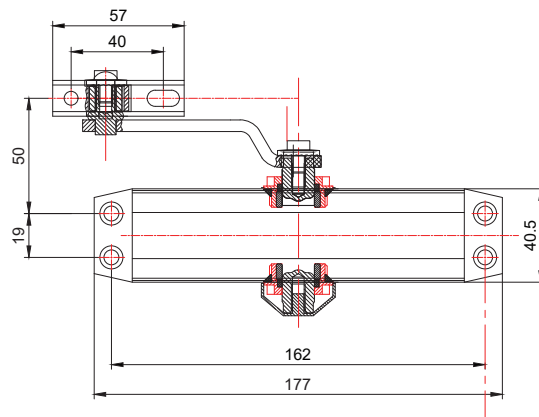


## Tay co DCH-C60.80100



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-C60.80100                                 |
| Tải trọng(kg)     | 60                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 800 - 1000                                    |
| Số lần vận hành   | >300.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co không dừng                             |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

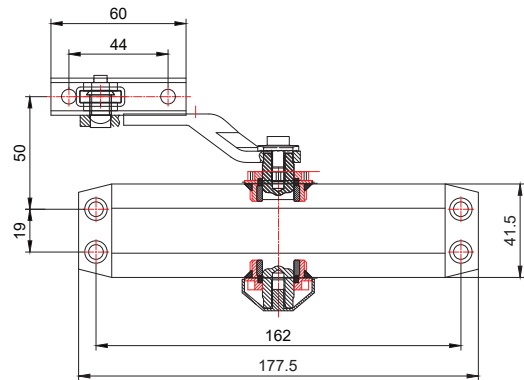


## Tay co DCH-D65.80100



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-D65.80100                                 |
| Tải trọng(kg)     | 65                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 800 - 1000                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co không dừng                             |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

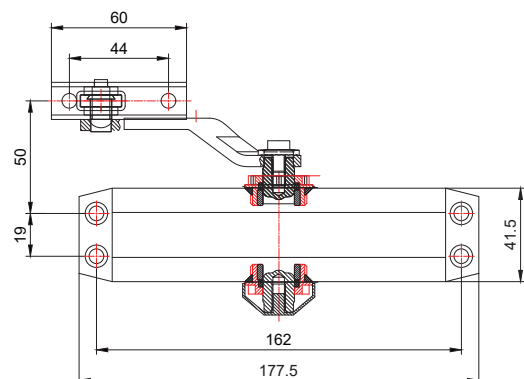


## Tay co DCH-DD65.80100



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-DD65.80100                                |
| Tải trọng(kg)     | 65                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 800 - 1000                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co giữ góc 90°                            |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

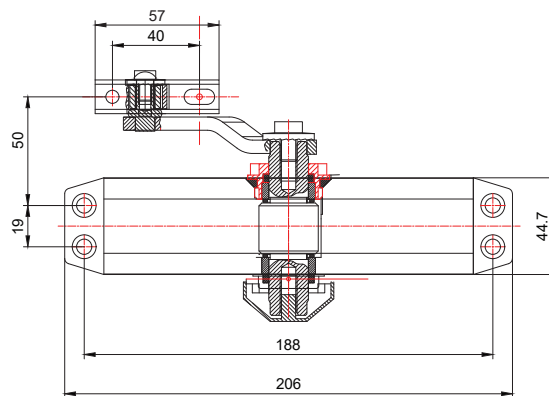


## Tay co DCH-C80.90110



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-C80.90110                                 |
| Tải trọng(kg)     | 80                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 900 - 1100                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co không dừng                             |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

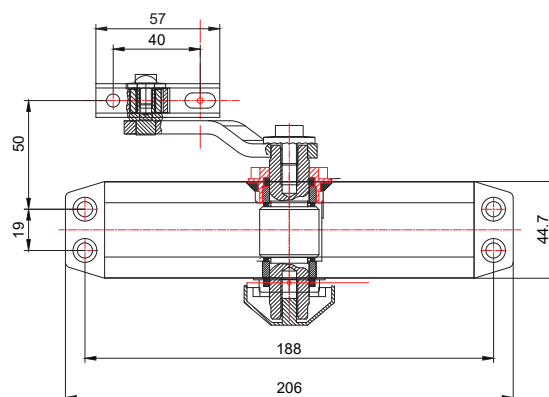


## Tay co DCH-DC80.90110



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-DC80.90110                                |
| Tải trọng(kg)     | 80                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 900 - 1100                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co giữ góc 90°                            |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

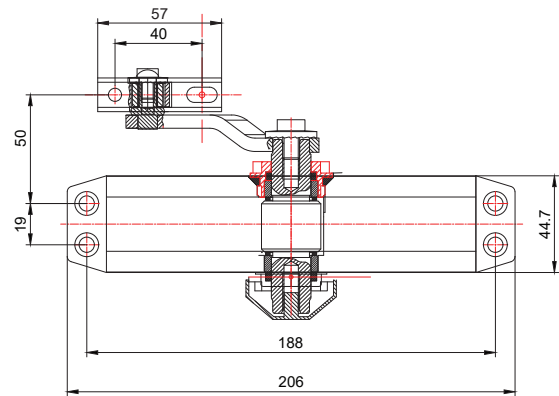


## Tay co DCH-C100.90110



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-C100.90110                                |
| Tải trọng(kg)     | 100                                           |
| Sải cánh rộng(mm) | 900 - 1100                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co không dừng                             |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuấy bằng sắt mạ |

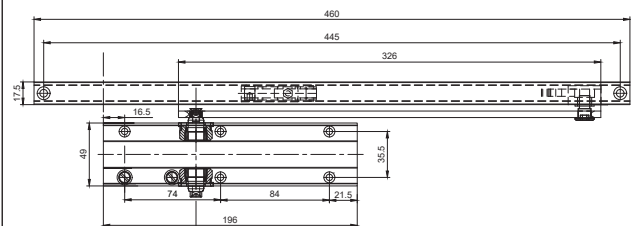


## Tay co DCH-V65.80100



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-V65.80100                                 |
| Tải trọng(kg)     | 65                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 800 - 1000                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co không dừng                             |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuấy bằng sắt mạ |

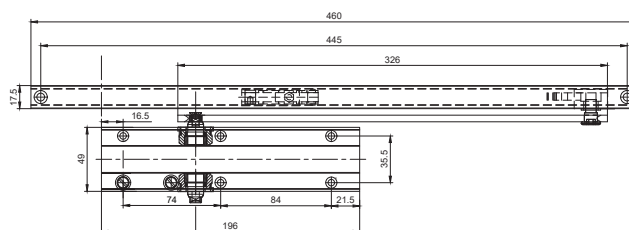


## Tay co DCH-DV65.80100

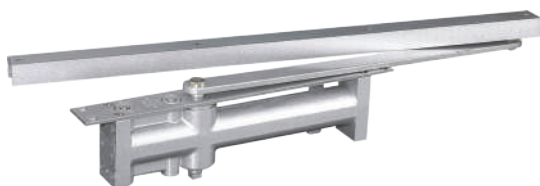


### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-DV65.80100                                |
| Tải trọng(kg)     | 65                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 800 - 1000                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co giữ góc 90°                            |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

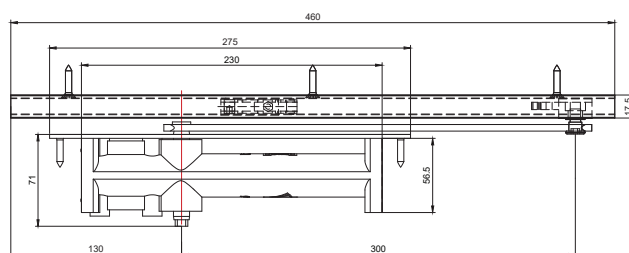


## Tay co DCH-A65.90105

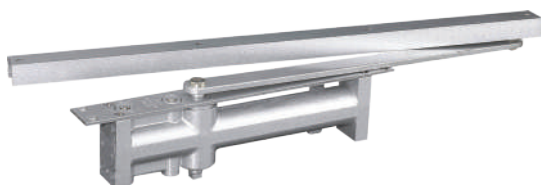


### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-A65.90105                                 |
| Tải trọng(kg)     | 65                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 900 - 1050                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co không dừng                             |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

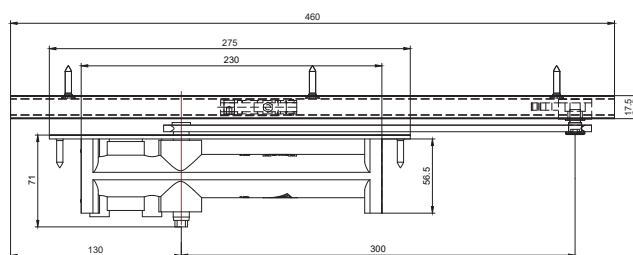


## Tay co DCH-DA65.90105



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-DA65.90105                                |
| Tải trọng(kg)     | 65                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 900- 1050                                     |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co giữ góc 90°                            |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

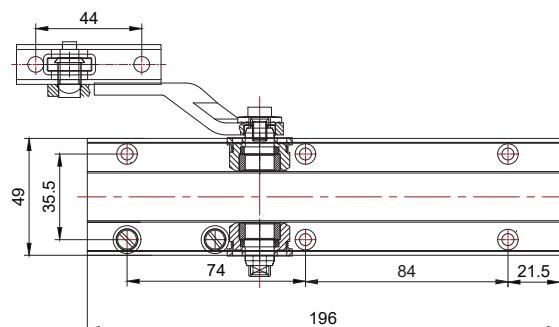


## Tay co DCH-K65.80100



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-K65.80100                                 |
| Tải trọng(kg)     | 65                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 800 - 1000                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co không dừng                             |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

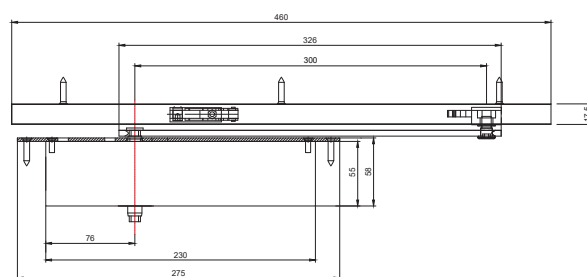


## Tay co DCH-A80.100115



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-A80.100115                                |
| Tải trọng(kg)     | 80                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 1000- 1150                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co không dừng                             |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |

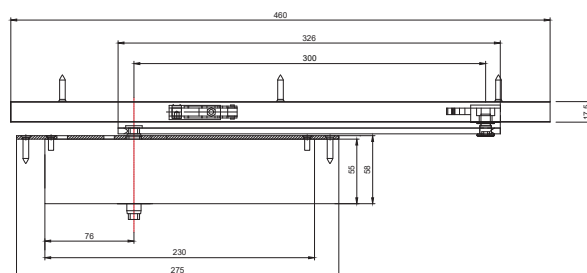


## Tay co DCH-DA80.100115



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                   |                                               |
|-------------------|-----------------------------------------------|
| Mã hàng           | DCH-DA80.100115                               |
| Tải trọng(kg)     | 80                                            |
| Sải cánh rộng(mm) | 1000- 1150                                    |
| Số lần vận hành   | >500.000                                      |
| Màu sắc           | Màu bạc                                       |
| Công năng         | Tay co giữ góc 90°                            |
| Tốc độ            | Điều chỉnh 2 giai đoạn                        |
| Chất liệu         | Thân bằng hợp kim nhôm, tay khuỷu bằng sắt mạ |



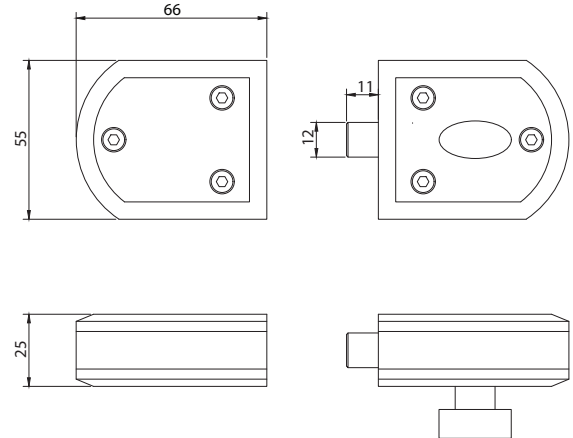
## Kẹp chốt DHHS-503AB



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |            |
|----------|------------|
| Tên hàng | kẹp chốt   |
| Mã hàng  | DHHS-503AB |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



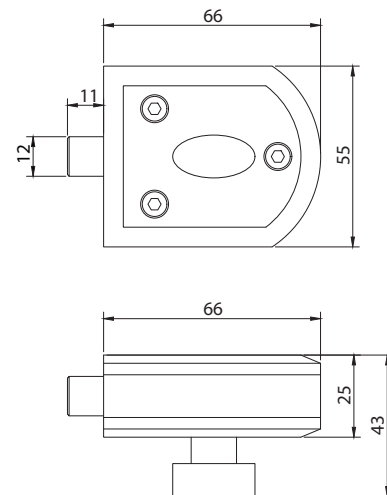
## Kẹp chốt DHHS-503A



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |           |
|----------|-----------|
| Tên hàng | kẹp chốt  |
| Mã hàng  | DHHS-503A |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



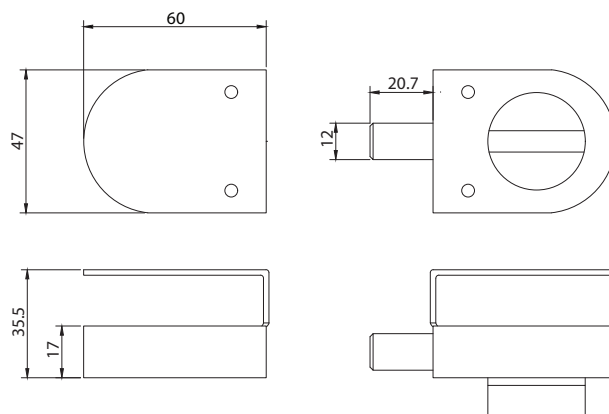
## Kẹp chốt DHHS-504AB



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |            |
|----------|------------|
| Tên hàng | kẹp chốt   |
| Mã hàng  | DHHS-504AB |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



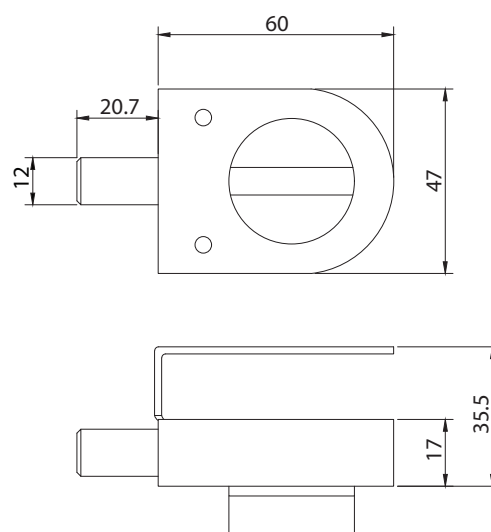
## Kẹp chốt DHHS-504A



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|          |           |
|----------|-----------|
| Tên hàng | kẹp chốt  |
| Mã hàng  | DHHS-504A |

### BẢN VẼ KỸ THUẬT



# Một số dự án sử dụng phụ kiện cửa thủy lực Draho

## *Gold Season*

**Chủ đầu tư:** TNR

**Vị trí:** Hà Nội

**Sử dụng sản phẩm:** Phụ kiện nhôm kính, Phụ kiện cửa thủy lực



## *Vinhomes Ocean Park*

**Chủ đầu tư:** Vingroup

**Vị trí:** Hưng yên

**Sử dụng sản phẩm:** Phụ kiện nhôm kính, Phụ kiện cửa thủy lực

## ***Tòa nhà Trí Đức Mường Thanh***

**Chủ đầu tư:** Mường Thanh

**Vị trí:** Quảng Ninh

**Sử dụng sản phẩm:** Phụ kiện cửa  
thủy lực, Phụ kiện cabin tắm



## ***The Minato***

**Chủ đầu tư:** Minato

**Vị trí:** Hải Phòng

**Sử dụng sản phẩm:** Phụ kiện  
cửa nhôm, Phụ kiện cửa thủy lực

## ***Vinhomes Smart City***

**Chủ đầu tư:** Vingroup

**Vị trí:** Hà Nội

**Sử dụng sản phẩm:** Phụ kiện nhôm kính, Phụ kiện cửa thủy lực



## ***Centana Thủ Thiêm***

**Chủ đầu tư:** Liên Doanh nhà đầu tư

**Vị trí:** Hồ Chí Minh

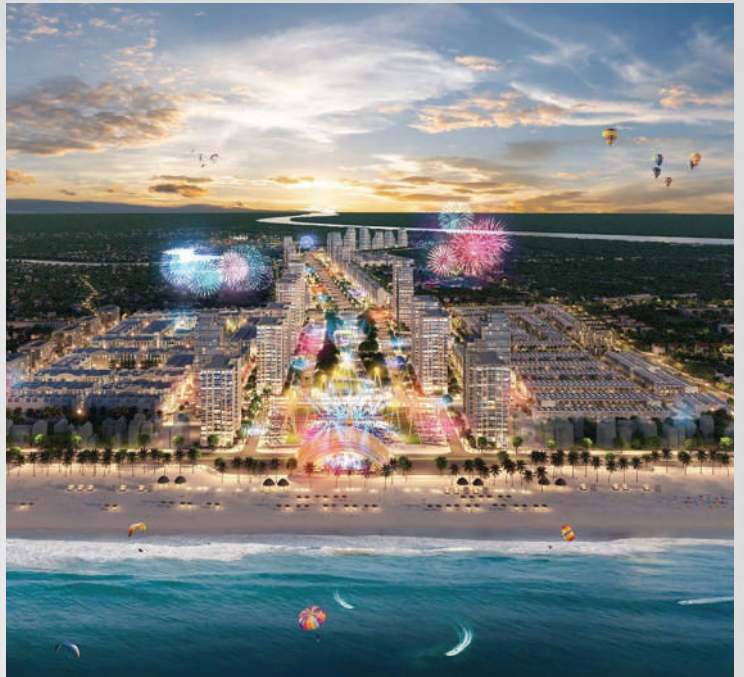
**Sử dụng sản phẩm:** Phụ kiện nhôm kính, Phụ kiện cửa thủy lực  
Phụ kiện cabin

## **Sun Grand Boulevard Sầm Sơn**

**Chủ đầu tư:** Sun Group

**Vị trí:** Thanh Hóa

**Sử dụng sản phẩm:** Phụ kiện cửa nhôm, Phụ kiện cửa thủy lực



## **Republic Plaza**

**Chủ đầu tư:** Vietjet

**Vị trí:** Hồ Chí Minh

**Sử dụng sản phẩm:** Phụ kiện nhôm kính, Phụ kiện cửa thủy lực, Phụ kiện cabin tắm

# **DRAHO**

## ARCHITECTURAL HARDWARE

### Sản phẩm chính/Main Products:

- Phụ kiện nhôm kính – Aluminum And Glass Accessories
- Phụ kiện cửa thủy lực – DoorControls Hardware Fittings
- Phụ kiện cabin tắm – Bathroom Hardware
- Phụ kiện chân nhện – Leg Spider
- Trụ lan can inox – Stainless Steel Railing

### Văn phòng đại diện:

- Hà Nội: Tầng 3 – Tòa nhà 24T3 Thanh Xuân Complex, số 6 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân.
- Đà Nẵng: 244C Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường.
- Hồ Chí Minh: Tầng 5, Tòa Nhà Mộc Gia, 54/31 Phố Quang, phường Tân Sơn Hòa.

 **Hotline: 0389.778.778**

Xuất bản: 05.2026

 **Website: draho.vn**

**DRAHO – PHỤ KIỆN NHÔM KÍNH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM**